



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

C. T.  
Y  
ĐU M  
ĐINH  
AM  
TP.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Trần Thâm Tuấn	Chủ tịch
Ông Lộc Mậu Triển	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Thâm Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Thuận	Phó Giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Thay mặt Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM**



**Trần Thâm Tuấn**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017*

Số: 124 -17/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/02/2017, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng chưa đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan tới khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập và ghi nhận vào chi phí trong năm với giá trị 541.865.000 đồng. Nếu khoản dự phòng nêu trên không được ghi nhận thì chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ giảm đi 541.865.000 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 sẽ tăng lên với giá trị tương ứng.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 8 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận với giá trị 11.465.876.117 đồng theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BB-HĐQT ngày 11/11/2016. Theo Biên bản nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 về vấn đề nêu trên.



**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Nguyễn Vũ Huy**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2013-034-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.422.441.105</b>	<b>41.377.118.883</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>9.259.766.579</b>	<b>823.519.204</b>
1 Tiền	111		6.259.766.579	823.519.204
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.795.682.000</b>	<b>3.202.568.800</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	1.222.030.000	3.010.670.000
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	775.825.000	30.250.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	339.692.000	161.648.800
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(541.865.000)	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>33.366.992.526</b>	<b>37.351.030.879</b>
1 Hàng tồn kho	141		33.366.992.526	37.351.030.879
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.146.889.365</b>	<b>21.064.702.411</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.588.459.889</b>	<b>13.888.414.913</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	7.986.507.443	7.863.687.599
- Nguyên giá	222		14.007.062.686	13.199.611.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.020.555.243)	(5.335.923.837)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	5.601.952.446	6.024.727.314
- Nguyên giá	228		6.800.000.000	6.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.198.047.554)	(775.272.686)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.558.429.476</b>	<b>7.176.287.498</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	6.558.429.476	7.176.287.498
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>64.569.330.470</b>	<b>62.441.821.294</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.052.283.243</b>	<b>27.215.718.861</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.052.283.243</b>	<b>27.215.718.861</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	15.359.978.850	14.197.197.161
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	700.000	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	182.018.364	159.406.031
4 Phải trả người lao động	314		250.744.980	380.078.630
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	71.772.000	1.976.459.839
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	9.461.126.487	8.434.904.124
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.725.942.562	2.067.673.076
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.517.047.227</b>	<b>35.226.102.433</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15.	<b>36.517.047.227</b>	<b>35.226.102.433</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		33.000.000.000	33.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		33.000.000.000	33.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		1.171.937.616	560.159.412
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.867.100.185	896.255.059
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		478.009.426	769.687.962
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		478.009.426	769.687.962
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>64.569.330.470</b>	<b>62.441.821.294</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Trần Thắm Tuấn

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	89.587.286.000	80.833.244.000
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	8.171.976.800	171.400.000
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	81.415.309.200	80.661.844.000
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	52.256.720.271	56.081.619.604
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		29.158.588.929	24.580.224.396
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5.	63.736.979	178.893.984
7 Chi phí tài chính	22	VI.6.	2.578.068.204	1.704.259.206
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VI.9.	7.700.647.973	4.729.524.602
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9.	7.354.321.692	7.081.409.509
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.589.288.039	11.243.925.063
11 Thu nhập khác	31	VI.7.	27.272.728	-
12 Chi phí khác	32	VI.8.	-	40.736.830
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		27.272.728	(40.736.830)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		11.616.560.767	11.203.188.233
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.616.560.767	11.203.188.233
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	3.261	3.157

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Trần Thắm Tuấn

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
<Theo phương pháp trực tiếp>  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND  
Từ 10/02/2015  
đến 31/12/2015

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		76.728.515.446	76.903.063.794
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(50.146.723.585)	(57.325.400.649)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.274.917.417)	(4.107.950.309)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(736.426.006)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		590.177.547	9.921.275.098
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.221.941.383)	(34.246.329.856)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.675.110.608</b>	<b>(9.591.767.928)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.112.596.375)	(415.769.200)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		30.000.000	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.736.979	178.875.984
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.018.859.396)</b>	<b>(236.893.216)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.220.003.837)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.220.003.837)</b>	<b>-</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.436.247.375</b>	<b>(9.828.661.144)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>823.519.204</b>	<b>10.652.180.348</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>9.259.766.579</b>	<b>823.519.204</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGŨ VIỆT NAM

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Trần Thẩm Tuấn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ/BNN/TCCB ngày 10 tháng 03 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cho phép Viện nghiên cứu Ngô được tách một bộ phận cơ sở vật chất lao động của Viện để thành lập Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư Phát triển Ngô và Quyết định số 40/QĐ-VN-CN-TCHC ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Viện trưởng Viện nghiên cứu Ngô về việc thành lập Công ty. Theo Quyết định số 4311/QĐ-BNN-QLDN ngày 08/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Nhà nước MTV Tư vấn và Đầu tư phát triển Ngô thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500468572 ngày 1/10/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 5 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 09/02/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là 33.000.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ đồng).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực phân phối ngô giống và nghiên cứu khoa học về giống cây trồng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Xử lý hạt giống để nhân giống./.

#### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 231 Nguyễn Thái Học, TT Phùng, Đan Phượng, Hà Nội

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kỳ trước của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 10/02/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ hoạt động đầu tiên chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà Nước sang Công ty Cổ phần, do vậy, các số liệu, thông tin, dữ liệu tương ứng được trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là các số liệu, thông tin, dữ liệu không mang tính so sánh được do khác nhau về kỳ kế toán.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
- Máy móc thiết bị	5 - 8
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 8

#### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền tác giả giống Ngô LVN61 do xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian trích khấu hao là 16 năm.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm kể từ ngày Công ty chính thức chuyển đổi hoạt động sang Công ty cổ phần theo quy định tại mục 10 Điều 18 thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### 6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích chi phí bán hàng, chiết khấu thương mại theo quy chế bán hàng của Công ty và chi phí xây dựng mô hình, chi phí sấy, chi phí lương, chi phí vận chuyển đã phát sinh nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ kế toán.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập, bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp.

Trong kỳ hoạt động, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2016 và theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BB-HĐQT ngày 11/11/2016, theo đó trích trên lợi nhuận được phân phối như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển là 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi là 7%, quỹ phát triển vùng nguyên liệu là 3%, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 5%; tạm chi cổ tức cho các cổ đông là 16%. Đồng thời đối với lợi nhuận vượt kế hoạch được giao năm 2016, chia thưởng ban điều hành Công ty và Hội đồng quản trị là 30%, chia cho cổ đông là 70%.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán ngô giống và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### 11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản chiết khấu thanh toán phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 12.1 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Mặt hàng Công ty kinh doanh là đối tượng không chịu thuế GTGT.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ số 21/KHCNCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/04/2015, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và 20% (thuế suất thuế TNDN chung) trong những năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ 2 Công ty có thu nhập chịu thuế TNDN và đang trong giai đoạn được miễn thuế TNDN.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>6.259.766.579</b>	<b>823.519.204</b>
<i>Tiền mặt tại quỹ</i>	<i>527.845.135</i>	<i>437.788.244</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>5.731.921.444</i>	<i>385.730.960</i>
VND	5.729.406.502	383.215.986
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam</i>	<i>4.073.445.373</i>	<i>380.258.136</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>1.655.961.129</i>	<i>2.957.850</i>
LAK - Kíp Lào	2.514.942	2.514.974
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương</i>	<i>2.514.942</i>	<i>2.514.974</i>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Nhuệ	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.259.766.579</b>	<b>823.519.204</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Công ty Giống vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang	-	-	114.000.000	-
Công ty CP Giống cây trồng Nhà Hồ	-	-	726.500.000	-
Lê Quốc Hòa	-	-	107.200.000	-
Nguyễn Thị Khanh	-	-	140.000.000	-
Nguyễn Trọng Ngữ	-	-	100.800.000	-
Nghiêm Quang Vinh	-	-	158.440.000	-
Nguyễn Thanh Chung	-	-	172.500.000	-
Nguyễn Kim Thuận	1.083.730.000	541.865.000	1.083.730.000	-
Các đối tượng khác	138.300.000	-	407.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.222.030.000</b>	<b>541.865.000</b>	<b>3.010.670.000</b>	<b>-</b>

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Liên hiệp Nguyễn Lê	-	8.250.000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	22.000.000	22.000.000
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	753.825.000	-
<b>Cộng</b>	<b>775.825.000</b>	<b>30.250.000</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.423.422.000	-	161.648.800	-
<i>Phải thu về cổ phần hóa</i>	55.000.000	-	-	-
<i>Phải thu khác</i>	1.083.730.000	-	956.800	-
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	-	-	956.800	-
Nguyễn Kim Thuận (*)	1.083.730.000	541.865.000		
<i>Tạm ứng</i>	284.692.000	-	160.692.000	-
Nguyễn Đức Tụng	-	-	25.000.000	-
Trần Quyết	-	-	19.824.000	-
Hoàng Văn Tứ	90.000.000	-	-	-
Trương Trọng Đản	120.000.000	-	60.000.000	-
Các đối tượng khác	74.692.000	-	55.868.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.423.422.000</b>	<b>-</b>	<b>161.648.800</b>	<b>-</b>

(\*) là khoản công nợ phải thu Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hà Đạt với giá trị 1.083.730.000 đồng đã được Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hà Đạt thanh toán đối trừ công nợ thông qua chuyển nhượng quyền sử dụng 396,2 m<sup>3</sup> đất tại Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cho Công ty. Tuy nhiên, do không đáp ứng được các yêu cầu về thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức của chính quyền địa phương nên Công ty đã ủy quyền cho ông Đặng Hồng Quân (cá nhân trong Công ty) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ thực hiện giao dịch chuyển nhượng lại cho bên thứ ba để thu hồi công nợ. Tại thời điểm 31/12/2016, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất nêu trên cho bên thứ ba chưa được thực hiện nên Công ty đã chuyển theo dõi khoản công nợ phải thu khách hàng nêu trên sang cá nhân ông Nguyễn Kim Thuận (cá nhân trong Công ty).

**5. Nợ xấu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng</b>				
Nguyễn Kim Thuận	1.083.730.000	541.865.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.083.730.000</b>	<b>541.865.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu vật liệu	30.944.959.495	-	36.794.208.650	-
Thành phẩm	2.422.033.031	-	556.822.229	-
<b>Cộng</b>	<b>33.366.992.526</b>	<b>-</b>	<b>37.351.030.879</b>	<b>-</b>

**7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2016	10.575.371.937	2.528.340.999	95.898.500	13.199.611.436
Mua trong năm	259.850.250	751.601.000	-	1.011.451.250
Thanh lý, nhượng bán	-	(204.000.000)	-	(204.000.000)
Số dư ngày 31/12/2016	10.835.222.187	3.075.941.999	95.898.500	14.007.062.686
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2016	3.802.393.737	1.486.343.781	47.186.319	5.335.923.837
Khấu hao trong kỳ	560.644.928	310.620.108	17.366.370	888.631.406
Thanh lý, nhượng bán	-	(204.000.000)	-	(204.000.000)
Số dư ngày 31/12/2016	4.363.038.665	1.592.963.889	64.552.689	6.020.555.243
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	6.772.978.200	1.041.997.218	48.712.181	7.863.687.599
Tại ngày 31/12/2016	6.472.183.522	1.482.978.110	31.345.811	7.986.507.443

*- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.***8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền tác giả giống ngô lai LVN61	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	6.800.000.000	6.800.000.000
Số dư ngày 31/12/2016	6.800.000.000	6.800.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2016	775.272.686	775.272.686
Khấu hao trong kỳ	422.774.868	422.774.868
Số dư ngày 31/12/2016	1.198.047.554	1.198.047.554
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2016	6.024.727.314	6.024.727.314
Tại ngày 31/12/2016	5.601.952.446	5.601.952.446

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Dài hạn</i>		
Giá trị lợi thế kinh doanh theo xác định giá trị doanh nghiệp	6.067.019.938	6.613.051.732
Giá trị CCDC đánh giá tăng theo xác định giá trị doanh nghiệp	-	16.012.154
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	491.409.538	547.223.612
<b>Cộng</b>	<b>6.558.429.476</b>	<b>7.176.287.498</b>

**10. Phải trả người bán**

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	10.400.490.000	10.400.490.000	6.956.538.000	6.956.538.000
Viện nghiên cứu Ngô	4.959.488.850	4.959.488.850	7.240.659.161	7.240.659.161
<b>Cộng</b>	<b>15.359.978.850</b>	<b>15.359.978.850</b>	<b>14.197.197.161</b>	<b>14.197.197.161</b>

*b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Các đối tượng khác	700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>700.000</b>	<b>-</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016
<i>Phải nộp</i>				-
Thuế GTGT phải nộp	-	2.727.272	-	2.727.272
Thuế Thu nhập cá nhân	159.406.031	468.465.698	448.580.637	179.291.092
Thuế, phí, lệ phí khác				-
<b>Cộng</b>	<b>159.406.031</b>	<b>471.192.970</b>	<b>448.580.637</b>	<b>182.018.364</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí bán hàng	2.280.000	68.410.000
Phải trả xây dựng mô hình	57.692.000	77.062.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Phải trả chi phí lương	-	1.637.159.839
Phải trả chi phí vận chuyển và chiết khấu thương mại	11.800.000	193.828.000
<b>Cộng</b>	<b>71.772.000</b>	<b>1.976.459.839</b>

**14. Phải trả khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả, phải nộp khác	9.461.126.487	8.192.862.624
Tiền cổ tức phải trả	5.280.000.000	4.950.000.000
Lợi nhuận vượt kế hoạch chi cho cổ đông	2.926.788.541	2.270.003.837
Quỹ thưởng ban điều hành	1.254.337.946	972.858.787
Dư có TK 141	-	242.041.500
Đoàn Văn Tuấn	-	242.041.500
<b>Cộng</b>	<b>9.461.126.487</b>	<b>8.434.904.124</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 10/02/2015</b>	<b>33.000.000.000</b>		<b>33.000.000.000</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	11.203.188.233	11.203.188.233
Trích lập các quỹ	-	(2.240.637.646)	(2.240.637.646)
Chia cổ tức	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
Thưởng ban điều hành	-	(972.858.787)	(972.858.787)
Chia lợi nhuận vượt kế hoạch cho cổ đông	-	(2.270.003.838)	(2.270.003.838)
<b>Số dư ngày 31/12/2015</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>769.687.962</b>	<b>33.769.687.962</b>
Lãi trong năm nay	-	11.616.560.767	11.616.560.767
Trích lập các quỹ	-	(2.447.112.816)	(2.447.112.816)
Chia cổ tức	-	(5.280.000.000)	(5.280.000.000)
Thưởng ban điều hành	-	(1.254.337.946)	(1.254.337.946)
Chia lợi nhuận vượt kế hoạch cho cổ đông	-	(2.926.788.541)	(2.926.788.541)
<b>Số dư ngày 31/12/2016</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>478.009.426</b>	<b>33.478.009.426</b>

**15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.880.000.000	11.880.000.000
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty CP Giống cây trồng Nông Tín	3.206.000.000	3.206.000.000
Nguyễn Thị Hồng Thắm	864.000.000	864.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguy Thị Hương Lan	700.000.000	700.000.000
Mai Xuân Triệu	586.000.000	586.000.000
Các đối tượng khác	9.344.000.000	9.344.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000.000	33.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	33.000.000.000	33.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	33.000.000.000	33.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	5.280.000.000	4.950.000.000

(\*) Trong năm Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 11/BB-HĐQT ngày 11/11/2016, việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**15.4 Cổ phiếu**

	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	3.300.000	3.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.300.000	3.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.300.000	3.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.300.000	3.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**15.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	560.159.412	611.778.204	-	1.171.937.616
Quỹ khác thuộc vốn CSH	896.255.059	978.845.126	8.000.000	1.867.100.185
<b>Cộng</b>	<b>1.456.414.471</b>	<b>1.590.623.330</b>	<b>8.000.000</b>	<b>3.039.037.801</b>

**(\*) Mục đích trích lập quỹ:**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2016	01/01/2016
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
LAK	959.902	959.902
<b>VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng	89.587.286.000	80.833.244.000
<b>Cộng</b>	<b>89.587.286.000</b>	<b>80.833.244.000</b>
<i>b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết tại thuyết minh số VIII.2</i>		
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	8.131.976.800	171.400.000
Hàng bán bị trả lại	40.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.171.976.800</b>	<b>171.400.000</b>
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>		
	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng	81.415.309.200	80.661.844.000
<b>Cộng</b>	<b>81.415.309.200</b>	<b>80.661.844.000</b>
<b>4. Giá vốn bán hàng</b>		
	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng	52.256.720.271	56.081.619.604
<b>Cộng</b>	<b>52.256.720.271</b>	<b>56.081.619.604</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm 2016	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	63.736.979	178.875.984
Doanh thu tài chính khác	-	18.000
<b>Cộng</b>	<b>63.736.979</b>	<b>178.893.984</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***6. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
Chiết khấu thanh toán	2.578.068.204	1.704.259.206
<b>Cộng</b>	<b>2.578.068.204</b>	<b>1.704.259.206</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	27.272.728	-
<b>Cộng</b>	<b>27.272.728</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
Tiền nộp phạt thuế	-	40.736.830
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>40.736.830</b>

**9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>7.354.321.692</b>	<b>7.081.409.509</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.348.786.249	4.180.249.859
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	767.922.776	835.024.312
Chi phí khấu hao TSCĐ	652.345.252	581.428.430
Thuế, phí, lệ phí	33.271.500	-
Chi phí dự phòng	541.865.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	220.798.719	182.416.986
Chi phí bằng tiền khác	789.332.196	1.302.289.922
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>7.700.647.973</b>	<b>4.729.524.602</b>
Chi phí nhân viên	2.236.031.492	1.496.271.489
Chi phí vật liệu, bao bì	37.246.500	29.700.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	422.774.868	387.543.629
Chi phí chuyển nhượng	1.000.000.000	916.400.000
Chi phí bằng tiền khác	4.004.595.113	1.899.609.484

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	49.830.822.077	41.335.418.900
Chi phí nhân công	6.523.672.102	5.808.699.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.311.406.274	1.182.246.235



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.936.223.211	5.740.476.227
Chi phí khác bằng tiền	4.643.694.276	4.994.156.818
<b>Cộng</b>	<b>67.245.817.940</b>	<b>59.060.997.467</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.616.560.767	11.203.188.233
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.616.560.767	11.203.188.233
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	856.489.486	784.223.176
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.300.000	3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.261	3.157

**VIII. Những thông tin khác****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	cổ đông
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	cổ đông
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	cổ đông
Công ty CP Giống cây trồng Nông Tín	cổ đông

**2.1. Trong năm, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2016 VND	Từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>a) Mua hàng</b>	<b>35.698.476.500</b>	<b>38.332.888.000</b>
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	15.552.986.500	17.228.600.000
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	20.145.490.000	21.104.288.000
<b>b) Doanh thu bán hàng</b>	<b>1.659.090.909</b>	<b>1.238.825.232</b>
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	677.272.727	512.325.232
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	981.818.182	726.500.000

**2.2. Số dư các bên liên quan**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Phải thu khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>726.500.000</b>
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	-	726.500.000
<b>b) Phải trả người bán</b>	<b>10.400.490.000</b>	<b>6.956.538.000</b>
Công ty CP Nông nghiệp Chiềng Sung	10.400.490.000	6.956.538.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

c) <b>Trả trước cho người bán</b>	753.825.000	-
Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	753.825.000	-
<b>2.3 Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		<b>31/12/2016</b>
		<b>VND</b>
Lương và phụ cấp		1.364.557.656
<b>Cộng</b>		1.364.557.656

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 10/02/2015 đến 31/12/2015 của Công ty CP Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam. Và không so sánh được với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 do khác nhau về kỳ kế toán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÔ VIỆT NAM**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

**Giám đốc**



**Trần Thắm Tuấn**

H.H. 1/1